| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH LẠNG SƠN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 17 /BC-UBND | *Lạng Sơn, ngày 10 tháng 01 năm 2025* |

# BÁO CÁO
## Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện quy định Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Công văn số 8963/BTNMT-MT ngày 20/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước năm 2024. Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường năm 2024 trên địa bàn như sau:

### I. HIỆN TRẠNG, DIỄN BIẾN CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

### 1. Môi trường không khí

Nhìn chung, kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí cả đợt 1 và đợt 2 năm 2024 tại 40 điểm trên địa bàn 11 huyện/ thành phố của tỉnh Lạng Sơn cho thấy: hầu hết các thông số được phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí. Ngoại trừ một số điểm có thông số tiếng ồn và bụi lơ lửng vượt giới hạn cho phép tập trung ở các điểm của khu vực đô thị, khu vực chợ, nút giao thông. Các thông số có sự biến động không lớn so với năm 2023.

### 2. Môi trường nước mặt

Chất lượng nước tại một số thủy vực trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (sông Kỳ Cùng, sông Thương, sông Bắc Giang, sông Trung, hồ Tam Hoa...) có kết quả quan trắc các thông số pH, DO, $NH_4^+$, $NO_3^-$, $PO_4^{3-}$, Coliform tương đối tốt, hầu hết các điểm quan trắc đều cho kết quả nằm trong giới hạn cho phép QCVN 08:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Tuy nhiên chất lượng nước tại một vài điểm có biểu hiện ô nhiễm COD, $BOD_5$, TSS cụ thể như sau:

Kết quả quan trắc COD: Đợt 1 có 02 mẫu quan trắc tại khu vực thành phố phân loại mức C - bảng 2 là Suối Lao Ly tại cầu phố Muối, phường Tam Thanh (NM02) và sông Kỳ Cùng tại cầu Kỳ Lừa (NM06) cùng đạt giá trị 18,6 mg/l nhưng sang đợt 2 chất lượng nước đạt mức D: NM02 tăng từ 18,6 ng/l lên 34 mg/l và NM05 tăng từ 18,7 mg/l lên 22,32 mg/l.

Kết quả quan trắc $BOD_5$: đợt 1 có 5 mẫu có giá trị ở mức phân loại mức C; đợt 2 có 6 mẫu có giá trị ở mức phân loại mức C và 02 mẫu mức phân loại mức D.

Kết quả quan trắc TSS tại 5 điểm nước mặt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn năm 2024 dao động từ 21,4 mg/l đến 62,8 mg/l. Ghi nhận tại 5/5 điểm quan trắc đạt mức C. Trong đó điểm NM3 (hồ Phai Loạn) có hàm lượng TSS cao nhất 49,03 mg/l và 62,8mg/l. So với cùng kỳ năm 2023 cho thấy chất lượng nước có xu hướng gia tăng hàm lượng tăng TSS nhưng không đáng kể.

**3. Chất lượng nước dưới đất**

Chất lượng nước dưới đất đối với các thông số pH, TDS, $NH_4^+$, Cu, Mn, Fe, As đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất. Tuy nhiên chất lượng nước dưới đất tại một vài điểm có biểu hiện ô nhiễm $NO_3^-$ cụ thể như sau: đợt 1 năm 2024 có 08/31 điểm và đợt 2 có 05/31 điểm vượt giới hạn cho phép. Giá trị lớn nhất đo được chủ yếu tại các huyện: Chi Lăng (NN15 vượt giới hạn cho phép 1,29 lần và NN16, NN17, NN18 vượt giới hạn cho phép từ 1,05 đến 1,12 lần); Văn Quan (NN22, NN23 vượt giới hạn cho phép 1,12 - 1,72 lần); Bình Gia (NN25 vượt giới hạn cho phép 1,15 lần) và Bắc Sơn (NN27 vượt giới hạn cho phép 1,16 lần). So với cùng kỳ năm 2023 cho thấy chất lượng nước dưới đất có xu hướng gia tăng hàm lượng tăng $NO_3^-$.

**4. Môi trường đất**

Hàm lượng As trong đất dao động từ 2,5 - 29,4mg/kg: có 03 điểm quan trắc giá trị As trong đất đợt 2 năm 2024 vượt quy chuẩn cho phép QCVN 03:2023/BTNMT (loại 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất, tương ứng là: Đ18 với 28,2mg/kg (vượt 1,12 lần), Đ21 với 29,4mg/kg và Đ22 với 29,3mg/kg (vượt 1,17 lần). So với cùng kỳ năm 2023 kết quả As quan trắc năm 2024 trong đất có xu hướng tăng.

Hàm lượng Pb trong đất dao động trung bình từ 6,7 đến 81,7 mg/kg với 25/26 điểm quan trắc đều có hàm lượng Pb nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT (loại 1). Riêng điểm quan trắc Đ14 (đất canh tác thị trấn Đồng Mỏ) đợt 2 năm 2024 với giá trị 207 mg/kg vượt ngưỡng giới hạn cho phép là 1,03 lần. So với cùng kỳ năm 2023 có 1 điểm Đ6 (đợt 1 năm 2023 là 310 mg/l giảm đáng kể xuống còn 16,4 mg/kg (đợt 1 năm 2024) và 11,4 mg/kg (đợt 2 năm 2024) và 1 điểm, điểm Đ14 tăng từ 21-26 mg/kg (đợt 1 + 2 năm 2023) tăng lên 207 mg/kg (đợt 2 năm 2024).

Hàm lượng Zn trong đất dao động từ 3,4 đến 93,3 mg/kg: Kết quả phân tích tại 26/26 điểm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03:2023/BTNMT (đất loại 1).

So với cùng kỳ năm 2023 các điểm quan trắc có biến động nhẹ với xu hướng tăng nhưng không đáng kể.

**5. Môi trường trầm tích (nước ngọt)**

Kết quả phân tích các thông số về kim loại nặng As, Pb, Zn tại 20/20 điểm của các mẫu trầm tích sông, hồ, suối trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn cho thấy hầu hết đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về chất lượng trầm tích, tuy nhiên có một số điểm có giá trị vượt giới hạn cho phép, cụ thể:

- Hàm lượng As trong trầm tích:

+ Đợt 1 dao động từ 2,7 - 17 mg/kg và 20/20 điểm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT. Giá trị lớn nhất đo được 17 mg/kg chạm ngưỡng giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT tại điểm quan trắc trầm tích sông Kỳ Cùng tại thôn Hùng Sơn, huyện Tràng Định (TT17).

+ Đợt 2 dao động từ 4,6 - 34,3 mg/kg và 09/20 điểm vượt giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT.

- Hàm lượng Pb trong trầm tích dao động từ 3,6 đến 55,8 mg/kg với 20/20 điểm (đợt 1) và 19/20 điểm (đợt 2) quan trắc, phân tích đều có hàm lượng Pb nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT. Riêng điểm quan trắc (TT13-Trầm tích sông Kỳ Cùng tại cầu Khánh Khê, xã Khánh Khê) vượt 1 lần ngưỡng quy chuẩn cho phép với 91,7mg/kg.

- Hàm lượng Zn trong trầm tích dao động từ 11,5 đến 83,3 mg/kg với 20/20 điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT.

**4. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học**

a) Báo cáo về sự tăng/giảm số lượng và diện tích các khu di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng, cơ sở bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học:

Trong năm 2024, không có sự tăng, giảm số lượng và diện tích của các Khu Bảo tồn loài - sinh cảnh và khu dự trữ thiên nhiên. Cụ thể: Trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 3 khu Bảo tồn được xác lập tại Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững khu rừng đặc dụng Hữu Liên đến năm 2020; Quyết định 2447/QĐ-UBND ngày 31/11/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng tỉnh Lạng Sơn và Quy hoạch bảo tồn phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng Mẫu Sơn, Bắc Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó quy hoạch 3 khu rừng đặc dụng: *khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên; khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn; khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bắc Sơn*, cụ thể:

- Khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên có diện tích 8.012,74 ha *(Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 về việc Phê duyệt Phương án quản lý bền vững rừng đặc dụng Hữu Liên, giai đoạn 2021 - 2030)* do Ban quản lý rừng đặc dụng Hữu Liên trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý theo Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 31/5/2006 thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng Hữu Liên.

- Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn có diện tích 3.882,54 ha *(Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 08/5/2021 về việc phê duyệt Phương án Quản lý bền vững rừng đặc dụng Mẫu Sơn, giai đoạn 2021-2030)*; Ban Quản lý rừng đặc dụng Mẫu Sơn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý theo

Quyết định 695/QĐ-UBND ngày 25/4/2020 thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững khu rừng đặc dụng Mẫu Sơn.

- Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bắc Sơn có diện tích 936,75 ha *(Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 10/4/2021 về việc Phê duyệt Phương án Quản lý bền vững Rừng đặc dụng Bắc Sơn, giai đoạn 2021-2030*), hiện đang giao Hạt Kiểm lâm huyện Bắc Sơn, trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh quản lý.

Tỉnh Lạng Sơn có: 23 di tích danh lam thắng cảnh**.** Trong tổng số 23 di tích danh lam thắng cảnh đã có 10 di tích đã được xếp hạng các cấp *(gồm 03 di tích cấp Quốc gia, 07 di tích cấp tỉnh và 13 di tích đã được kiểm kê)*; có 01 công viên địa chất (Công viên địa chất Lạng Sơn) với diện tích khoảng 4.842,58 $km^2$.

b) Sự tăng/giảm danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và danh lục đỏ của IUCN; tăng/giảm các nguồn gen quý hiếm trên địa bàn trong năm đánh giá: Năm 2024, không có sự tăng giảm danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN và các nguồn gen quý hiếm trên địa bàn tỉnh.

## II. BỐI CẢNH CHUNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

### 1. Thông tin chung về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Kinh tế tiếp tục có sự phát triển đồng bộ, toàn diện trên các lĩnh vực, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 6,01%, trong đó: Nông lâm nghiệp tăng 2,78%, công nghiệp - xây dựng tăng 7,8%, dịch vụ tăng 6,2%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,17%. Cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 21,51%; công nghiệp - xây dựng 23,71%; dịch vụ 50,31%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 4,47%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 61,1 triệu đồng.

Hoạt động thương mại diễn ra sôi động hơn so cùng kỳ, thị trường hàng hóa, dịch vụ cơ bản ổn định và phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 27%; tổng lượng khách du lịch ước đạt 3,91 triệu lượt, tăng 11,94%; doanh thu 3.135 tỷ đồng. Khối lượng thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (bao gồm cả nguồn vốn khác chi hỗ trợ cho dự án đầu tư) đạt 4.221,5 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch Trung ương giao, đạt 93,2% kế hoạch địa phương triển khai. Số doanh nghiệp thành lập mới tăng cao, đăng ký thành lập mới 1200 doanh nghiệp; thu hút thêm 13 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký 6.192,2 tỷ đồng. Thu ngân sách đạt 9.805,5,7 tỷ đồng, đạt 131% dự toán. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được thực hiện tốt; hoạt động khoa học và công nghệ được triển khai đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực.

### 2. Các tác động chính đến môi trường

Quá trình phát triển  kinh tế - xã hội thu hút đầu tư các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, một số khu, cụm công nghiệp đã được thành lập và hoạt động,

nhưng cơ sở hạ tầng về môi trường chưa đồng bộ, đặc biệt chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Chất thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng gia tăng, vấn đề xử lý chất thải phát sinh còn gặp nhiều khó khăn. Công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt hiện nay chủ yếu là chôn lấp và đốt; trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị có chức năng hoạt động dịch vụ về xử lý chất thải nguy hại. Công tác quản lý xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị loại IV, loại V trên địa bàn tỉnh hiện nay hầu hết chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

## III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 1. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

- Hiện tỉnh Lạng Sơn có 02 Khu công nghiệp (KCN) đã được thành lập, gồm:

+ KCN Đồng Bành: quy mô 162,13 ha, trong đó đất nhà máy, kho tàng là 110,97 ha, đất cây xanh là 16,26 ha; Đã có 04 dự án đầu tư với tổng quy mô 32,59 ha (29,4 %), trong đó, 01 dự án đã chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 81/TB-BQLKKTCK ngày 12/6/2024 của Ban Quản lý là: dự án Xưởng sản xuất thuốc bảo vệ thực vật từ thảo mộc; quy mô 0,57 ha. Khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ KCN VSIP Lạng Sơn (KCN Hữu Lũng): quy mô 599,97 ha, trong đó đất nhà máy, kho tàng là 427,95 ha, đất cây xanh là 67,6 ha; giai đoạn 1 với quy mô sử dụng đất khoảng 200ha; đã cho thuê 60,1 ha (10,0%) để xây dựng hạ tầng.

- Hiện cả tỉnh đã có 10 cụm công nghiệp (CCN) được thành lập, tổng diện tích khoảng 418 ha; trong đó:

+ CCN Địa phương số 2, huyện Cao Lộc: Được thành lập tại Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh, diện tích 8,5 ha, đã đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp đầy 100%. Hiện CCN này chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, tuy nhiên các cơ sở trong cụm công nghiệp đều đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

+ CCN Hợp Thành 1 và Hợp Thành 2: được thành lập tại các Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 05/3/2021, diện tích 23,8 ha và số 1148/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của UBND tỉnh, diện tích 25,47 ha.

+ CCN Bắc Sơn 2, huyện Bắc Sơn: được thành lập tại Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh, diện tích 25 ha.

+ CCN Đình Lập, huyện Đình Lập: được thành lập tại Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh, với diện tích 71,39 ha.

+ CCN Hồ Sơn 1, huyện Hữu Lũng: được thành lập tại Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh, với diện tích 73,76 ha.

+ CCN Hoà Sơn 1, huyện Hữu Lũng: được thành lập tại Quyết định số 1586/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND tỉnh, với diện tích 74,9 ha.

+ CCN Na Dương 1, huyện Lộc Bình: được thành lập tại Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 11/02/2024 của UBND tỉnh, với diện tích 20ha.

+ CCN Na Dương 2, huyện Lộc Bình: được thành lập tại Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh, với diện tích 45,67ha.

+ CCN Na Dương 3, huyện Lộc Bình: được thành lập tại Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh, với diện tích 50ha.

Các khu, cụm công nghiệp đều thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai đầu tư xây dựng và cam kết đầu tư, bố trí các công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung và khu lưu giữ chất thải rắn theo quy định.

- Trên địa bàn tỉnh hiện nay có khoảng 41 làng có nghề, trong đó 02 làng nghề: làng nghề đan lồng chim và làng nghề cao khô Vạn Linh cần được bảo tồn và phục hồi. Tuy nhiên, đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có làng nghề được công nhận theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn.

- Trên địa bàn tỉnh, có 01 đô thị loại II là thành phố Lạng Sơn; 01 đô thị loại IV là thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc và 13 đô thị loại V. Nhìn chung chất lượng môi trường tại các đô thị chưa chịu tác động nhiều từ các hoạt động như giao thông vận tải, xây dựng,... Hiện nay tỉnh đã đầu tư được 02 Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại thành phố Lạng Sơn, tỷ lệ nước thải được thu gom, xử lý ở địa bàn là 26,9% và đang triển khai thực hiện dự án xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập; các đô thị còn lại chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tăng cường yêu cầu các cơ sở thuộc đối tượng, thực hiện quan trắc tự động phát thải tự động, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 cơ sở đã thực hiện quan trắc tự động liên tục khí thải, nước thải theo quy định, gồm: Công ty cổ phần Xi măng Đồng Bành; Công ty Nhiệt điện Na Dương; Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV; Công ty TNHH Huy Hoàng; Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn.

**2. Quản lý chất thải và phế liệu**

a) Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

- *Tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn:* tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 515,06 tấn/ngày *(trong đó, khối lượng CTRSH phát sinh ở khu vực đô thị khoảng 245,84 tấn/ngày; khối lượng phát sinh CTRSH phát sinh tại khu vực nông thôn khoảng 268,87 tấn/ngày)*. Việc thu gom, xử lý CTRSH chủ yếu được thực hiện tại khu vực đô thị và một số khu vực lân cận; còn lại tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa do một số tổ, đội, hộ gia đình tự thu gom và xử lý tại các hộ gia đình hoặc tập hợp tại một số cụm để đốt bằng bể đốt rác tự xây dựng *(Do các khu vực vùng sâu, vùng xa điều kiện giao thông đi lại còn khó khăn, hiện nay việc thống kê khối lượng rác thải phát sinh chưa thực hiện được, do việc phát sinh không thường xuyên, rải rác nhỏ lẻ, dân cư sinh sống theo các khu vực có địa hình đồi núi thưa thớt, phân tán, chưa có đơn vị làm dịch vụ thu gom tập trung, ngân sách của nhà nước mới chỉ đảm*

*bảo chủ yếu để hỗ trợ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt khu vực đô thị; còn khu vực nông thôn hiện nay mới chỉ dừng lại ở khâu vận động đóng góp xã hội hóa nhưng hiệu quả chưa cao).* Tỷ lệ xử lý CTRSH khu vực đô thị 99,02%; tỷ lệ xử lý CTRSH khu vực nông thôn 69,94%.

- *Các cơ sở xử lý CTRSH:* trên địa bàn tỉnh có 06 cơ sở làm dịch vụ xử lý CTRSH gồm: Công ty TNHH Huy Hoàng, Công ty TNHH MTV Môi trường và dịch vụ thương mại Phúc Lộc, Công ty CP Thương mại dịch vụ Tân Minh, Công ty TNHH MTV Áo Xanh, Công ty TNHH Thành Linh, Hợp tác xã Tiến Đạt.

b) Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh không lớn, chủ yếu được tận dụng làm sản phẩm phụ (từ hoạt động các mỏ khai thác đá vôi). Lượng phát sinh chất thải rắn công nghiệp đáng kể nhất hiện nay là tro xỉ của Công ty Nhiệt điện Na Dương, được đổ thải tại bãi thải (thời gian qua tỉnh đã triển khai các hoạt động nghiên cứu sử dụng tro xỉ thải làm đường giao thông nông thôn, vật liệu san lấp). Trên địa bàn tỉnh không có khu xử lý CTRCNTT tập trung.

c) Quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

- *Tổng khối lượng CTNH phát sinh trên địa bàn:* tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh 138.613 kg/năm (theo số liệu báo cáo của Sở Y tế; báo cáo công tác BVMT năm 2024 của các huyện và báo cáo công tác BVMT 2024 của các doanh nghiệp được tổng hợp tính đến ngày 03/01/2025), tổng khối lượng xử lý 138.490 tấn/năm, tỷ lệ CTNH được xử lý 99,91%.

- *Chất thải y tế nguy hại phát sinh trên địa bàn:* tổng khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh 117.157,2 kg/năm. Tổng khối lượng được xử lý là 117.157,2 kg/năm (đạt 100%). Chất thải y tế nguy hại được xử lý bằng mô hình cụm và thuê đơn vị có chức năng để xử lý.

- *Các cơ sở xử lý CTNH:* trên địa bàn tỉnh không có cơ sở có chức năng làm dịch vụ xử lý CTNH, các đơn vị phải thuê đơn vị có chức năng ngoài tỉnh để thu gom, vận chuyển, xử lý. Một số chất thải y tế nguy hại được xử lý theo mô hình cụm.

d) Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất: năm 2024, trên địa bàn tỉnh không phát sinh việc nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

**3. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường**

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh; Quyết định quy định về quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; phê duyệt Chương trình quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Lạng Sơn và chỉ đạo thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn tỉnh; ban hành kế hoạch tăng cường phòng ngừa, giám sát, kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch ứng phó sự cố chất thải trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024 -

2030; Kế hoạch cải thiện, nâng cao chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2024 và các năm tiếp theo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Trên địa bàn tỉnh đã đầu tư được 02 nhà máy xử lý nước thải tập trung tại thành phố Lạng Sơn; 01 nhà máy xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Tân Lang, huyện Văn Lãng; huy động xã hội hóa đầu tư 05 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tập trung; chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý theo cụm tập trung; chuẩn bị đầu tư 01 nhà máy xử lý nước thải tập trung tại huyện Đình Lập.

- Trong năm có 02 cơ sở khai thác khoáng sản thực hiện đóng cửa mỏ gồm: Mỏ đá vôi Lân Lừa, xã Cai Kinh, huyện Hữu Lũng; mỏ đất sét Pò Tang, xã Hợp Thành huyện Cao Lộc. Tiếp tục tăng cường đôn đốc các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định. Năm 2024, có 35 đơn vị đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với tổng số tiền 5.997,8 triệu đồng.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc và trồng rừng được quan tâm và tăng cường, tỷ lệ che phủ rừng tăng, năm sau cao hơn năm trước.

**4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 13/12/2019 về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở, sản xuất kinh doanh, dịch vụ đã triển khai các biện pháp, giải pháp trong xử lý chất thải nhằm thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

**5. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học**

a) Triển khai Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học:

Theo Quyết định 2447/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch rừng đặc dụng tỉnh Lạng Sơn và Quy hoạch bảo tồn phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng Mẫu Sơn, Bắc Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030, toàn tỉnh quy hoạch 03 khu rừng đặc dụng gồm: khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn, khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bắc Sơn. Quy hoạch các phân khu chức năng trong các khu rừng đặc dụng tỉnh Lạng Sơn bao gồm phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân khu phục hồi sinh thái, phân khu dịch vụ hành chính. Đối với khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của khu rừng đặc dụng, Ban quản lý và tổ chức được giao quản lý tiến hiện thực hiện các biện pháp, nghiêm cấm các hành vi nhằm bảo vệ nguyên vẹn hệ sinh thái tự nhiên. Các khu rừng đặc dụng đều được thực hiện quy hoạch, quản lý và phát triển vùng đệm (bao gồm vùng đệm trong và vùng đệm ngoài) với mục đích làm giảm sức ép đối với khu rừng đặc dụng và góp phần nâng cao ý thức về quản lý, bảo vệ và sử dụng rừng của người dân sống xung quanh khu rừng đặc dụng.

Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý rừng bền vững, các Ban quản lý rừng đặc dụng (chủ rừng được giao quản lý) xây dựng phương án quản lý rừng bền vững theo quy định, kết quả đã trình và được UBND tỉnh phê duyệt 03 phương án quản lý rừng bền vững rừng đặc dụng trên địa bàn, làm cơ sở cho

các Ban Quản lý rừng đặc dụng triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo tồn theo quy định. Hiện nay, UBND đã phê duyệt Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng đặc dụng, giai đoạn 2023 - 2030 tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 13/01/2024 và 111/QĐ-UBND ngày 17/01/2024.

b) Phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và các danh hiệu quốc tế về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học:

Năm 2024, tiếp tục thực hiện bảo tồn nguyên vẹn diện tích các Khu rừng đặc dụng theo phương án quản lý bền vững rừng đặc dụng Hữu Liên, Mẫu Sơn và Bắc Sơn giai đoạn 2021 - 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

c) Tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm:

Để bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm, các khu bảo tồn rừng đặc dụng đều đã xây dựng, trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án quản lý bền vững đối với khu vực rừng được giao quản lý, bảo vệ; triển khai kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên trong các khu rừng đặc dụng nhằm chấm dứt các hoạt động xâm hại đến các hệ sinh thái rừng, nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát triển các quần thể động thực vật nguy cấp, quý, hiếm; triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội kết hợp bảo tồn phát triển bền vững các khu rừng đặc dụng.

Năm 2024 đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ Điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng và đưa ra các giải pháp bảo tồn loài Hươu xạ tại khu rừng đặc dụng Hữu Liên tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 theo đó kết quả sau khi điều tra, khảo sát trên 17 tuyến trên địa bàn quản lý đã phát hiện thêm 02 cá thể Hươu xạ (sách đỏ) tại các vị trí khác so với 04 cá thể đã phát hiện trong năm 2023 từ đó đề ra các biện pháp để bảo tồn loài Hươu xạ trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Công tác bảo tồn thiên nhiên được thực hiện thường xuyên, nhiều cá thể động vật hoang dã đã được đưa vào các Trung tâm cứu hộ và thả tự do về thiên nhiên[1].

d) Quản lý nguồn gen và an toàn sinh học:

- *Quản lý, tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ nguồn gen:* xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về các loài động, thực vật có trong khu rừng đặc dụng để phục vụ cho việc quản lý nguồn gen thuận lợi và chặt chẽ theo quy định của nhà nước và luật đa dạng sinh học; việc hợp tác nghiên cứu khoa học với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được thực hiện theo đúng quy định.

- *Lưu giữ, bảo quản mẫu vật di truyền, đánh giá nguồn gen, quản lý thông tin về nguồn gen, bản quyền tri thức truyền thống về nguồn gen:* thường xuyên thu thập mẫu vật và bảo quản nguồn gen, đặc biệt là các nguồn gen quý hiếm;

[1] UBND tỉnh quyết định xác lập sở hữu toàn dân và phê duyệt phương án xử lý 04 vụ với 06 cá thể động vật rừng gồm (Chim cao cát bụng trắng 01 cá thể; Cu li nhỏ: 01 cá thể; Khỉ vàng: 01 cá thể; 01 cá thể Khỉ đuôi lợn; 01 cá thể Mèo rừng; 01 Rắn Hổ chúa), trong đó: Tổ chức thả trở lại môi trường tự nhiên (Rừng Đặc dụng Hữu Liên 06 cá thể (Chim cao cát bụng trắng 01 cá thể; Cu li nhỏ: 01 cá thể; Khỉ vàng: 01 cá thể; 01 cá thể Khỉ đuôi lợn; 01 cá thể Mèo rừng; 01 Rắn Hổ chúa).

trú trọng điều tra, khảo sát các nguồn gen quý, đánh giá khả năng phát triển và ứng dụng để định hướng mục tiêu bảo tồn; thực hiện bảo tồn nguồn gen tại chỗ trong rừng đặc dụng bằng biện pháp quản lý bảo vệ nghiêm ngặt, đồng thời bảo tồn nguồn gen chuyển chỗ cho loài Hoàng đàn - loài đặc hữu đang có nguy cơ tuyệt chủng ngoài tự nhiên; xây dựng nguồn vật liệu di truyền bằng cách nhân, tạo giống trong vườn thực vật của đơn vị; từng bước xây dựng kế hoạch điều tra, đánh giá chi tiết về nguồn gen có trong rừng đặc dụng; giới thiệu, cung cấp, trao đổi thông tin về nguồn gen với các tổ chức, cá nhân trong nước và đối tác nước ngoài theo quy định của pháp luật.

đ) Phục hồi, phát triển hệ sinh thái tự nhiên:

Các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh đều có phân khu phục hồi sinh thái; phân khu phục hồi sinh thái được xác lập để khôi phục các hệ sinh thái nhằm đáp ứng yêu cầu chủ yếu là phục hồi rừng và các hệ sinh thái tự nhiên. Phân khu này được quản lý, bảo vệ chặt chẽ, có tác động bằng một số biện pháp kỹ thuật lâm sinh và bảo tồn kết hợp với tổ chức thực hiện các chức năng khác theo quy định của pháp luật *(trạng thái rừng trong phân khu Phục hồi sinh thái chủ yếu là rừng nghèo kiệt và rừng phục hồi trên núi đất, núi đá. Đây là khu vực có thể áp dụng các biện pháp lâm sinh, như: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi có trồng bổ sung, làm giàu rừng và trồng rừng, đồng thời là khu vực dự kiến quy hoạch các điểm du lịch sinh thái…)*. Trong năn 2024 thực hiện khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 10,66 ha ( Bắc Sơn). Ban Quản lý rừng đặc dụng Mẫu Sơn được phê duyệt tổng diện tích là 58,064 ha diện tích trồng rừng thay thế; đã thực hiện trồng rừng thay thế năm 2024 được 58,064 ha.

## IV. XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT, GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, GIÁM SÁT, KIỂM TRA, THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG; TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 1. Xây dựng chính sách, pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện

UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường mới ban hành; rà soát bãi bỏ các văn bản do UBND tỉnh ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh không còn phù hợp. Triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy định chi tiết nội dung thuộc thẩm quyền được giao tại Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí thẩm định thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc ban hành quy định về thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 ban hành Quy định về quản lý, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; hoàn thành triển khai đề án

thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại thành phố Lạng Sơn, đồng thời chỉ đạo tăng cường tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh.

Chỉ đạo triển khai công tác thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và khí thải trên địa bàn tỉnh.

**2. Giải quyết thủ tục hành chính**

Công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư được thực hiện đảm bảo, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục theo quy định. Các hồ sơ nộp qua cơ quan hành chính công được thẩm định giải quyết đúng quy trình một cửa theo quy định của pháp luật. Trong năm 2024, trên địa bàn tỉnh đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho 11 dự án, cấp 33 giấy phép môi trường cho các dự án, cơ sở; cấp 04 giấy phép môi trường điều chỉnh; cấp đổi 01 giấy phép môi trường.

**3. Giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường**

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được tỉnh quan tâm: năm 2024, tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính 22 tổ chức và cá nhân, với số tiền phạt là 158.800.000 đồng. Giải quyết 05 kiến nghị, phản ánh về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**4. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường**

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn tỉnh: năm 2024, đã tổ chức 02 Hội nghị tập huấn về Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, trong đó: Lớp thứ nhất, đối tượng là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh với khoảng 160 người tham dự; lớp thứ nhất đối tượng là các Sở, Ban, ngành, tỉnh; UBND các huyện, thành phố với khoảng 50 người tham dự. Đài Phát thanh và Truyền hình Lạng Sơn đã thực hiện và phát trên sóng phát thanh, truyền hình được 465 tin bài, phóng sự tuyên truyền về các hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường trên chuyên mục "Vì màu xanh cuộc sống" được 52 số. Báo Lạng Sơn có trên 100 tin, bài, kèm ảnh tuyên truyền trên báo in và Báo Lạng Sơn điện tử có nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo giục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường lồng ghép trong chương trình giáo dục của các cấp học trên địa bàn tỉnh. vận động đông đảo đoàn viên, người lao động, hưởng ứng các hoạt động tại địa phương, ngành.

Bên cạnh đó, trong năm, Liên đoàn lao động tỉnh cũng đã phát động liên đoàn các huyện, thành phố, công đoàn ngành chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan vận động đông đảo đoàn viên, người lao động, hưởng ứng các hoạt động về công tác bảo vệ môi trường; kết quả có 51.566 người tham gia, trồng và chăm sóc 51.735 cây, thu gom, xử lý rác thải 5.105 $m^3$, vệ sinh khu vực công cộng, đường giao thông làm vệ sinh môi trường 239 km, số công trình bảo vệ môi trường khởi công, khánh thành, bàn giao; duy tu bảo dưỡng, nạo vét 25

công trình, số băng rôn, chạy bảng điện tử, phướn, tờ rơi, poster được in ấn 696 cái, tổ chức thông tin, truyền thông 48 tin, bài, phóng sự, tổ chức Mít tinh, tọa đàm, tập huấn, hội thi 64 buổi, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh 64.495 m. Hội nông dân tỉnh đã phát động xây dựng được 224 mô hình nông dân tham gia bảo vệ môi trường, tập trung vào xây lò đốt rác thải sinh hoạt gia đình; đặt thùng nhựa thu gom rác thải; xây dựng chuồng trại chăn nuôi, bể nước, nhà tiêu hợp vệ sinh; xây dựng các bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng; phát quang đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, xây dựng đường hoa, thắp sáng đường thôn làm cho cảnh quan môi trường luôn sáng, xanh, sạch, đẹp; cắm biển báo không vứt bao bì thuốc bảo vệ thực vật đã sử dụng trên đồng ruộng; không đốt rơm rạ sau thu hoạch, không đổ chất thải chưa xử lý ra môi trường...Hội LHPN tỉnh đã tổ chức tuyên truyền về Phân loại rác thải rắn tại hộ gia đình lồng ghép trong 10 lớp tập huấn về công tác hội cho trên 639 cán bộ hội từ chủ tịch, phó chủ tịch hội cấp xã và chi hội trưởng,...Tỉnh đoàn đã phát động các cấp bộ Đoàn trồng mới hơn 40.000 cây xanh trên địa bàn tỉnh. Nhằm hưởng ứng ngày Thứ bảy tình nguyện, ngày Chủ nhật xanh, các cấp bộ Đoàn đã ra mắt 80 đội hình thanh niên tình nguyện bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thu hút 3.500 đoàn viên tham gia; tổ chức 56 buổi tuyên truyền tại các trường học đã thu hút sự tham gia của trên 5.400 học sinh, đoàn viên, sinh viên; triển khai 36 mô hình, 188 hoạt động tuyên truyền về phòng chống rác thải nhựa, đẩy mạnh công tác tuyên truyền phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn toàn tỉnh ....

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã triển khai tuyên truyền, hưởng ứng các sự kiện thường niên về bảo vệ môi trường, như: Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, tháng hành động vì môi trường năm 2024; hưởng ứng Ngày Đất ngập nước Thế giới năm 2024; hưởng ứng Giờ Trái đất năm 2024; hưởng hưởng ứng Ngày quốc tế Đa dạng sinh học năm 2024; tổ chức các hoạt động Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và hưởng ứng Ngày Đại dương Thế giới năm 2024; hưởng ứng Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn,... bằng các hoạt động cụ thể như: tổ chức chiến dịch ra quân làm vệ sinh môi trường, thu gom xử lý chất thải, rác thải; treo hàng trăm băng rôn, khẩu hiệu; phát hàng nghìn tờ rơi, tuyên tuyền lưu động trên loa phóng thanh;.....

Chú trọng triển khai tổ chức các hội nghị tập huấn, tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường nông thôn và hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Kết quả, năm 2024 đã tổ chức tập huấn được 11 lớp cho 20 xã với tổng số khoảng 1.000 người tham dự.

Việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai Luật Bảo vệ môi trường và tổ chức các hoạt động tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường, ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường trong các cấp chính quyền, tổ chức, cá nhân; triển khai, thực hiện những biện pháp, hành động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

## V. HỆ THỐNG QUAN TRẮC VÀ CẢNH BÁO VỀ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện vận hành sử dụng 04 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục, trong đó có: 03 Trạm quan trắc môi trường không khí gồm: Trạm môi trường không khí tại xã Hồng Phong, huyện Cao Lộc; Trạm môi trường không khí tại xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng và Trạm quan trắc môi trường không khí tại thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng; 01 Trạm quan trắc môi trường nước tại xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn để theo dõi đánh giá chất lượng môi trường, kịp thời phát hiện các vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh.

Kết nối tiếp nhận số liệu quan trắc tự động phát thải của các cơ sở truyền về gồm: 06 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục khí thải; 04 trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục nước thải.

## VI. ĐIỀU KIỆN VÀ NGUỒN LỰC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

### 1. Nguồn nhân lực

Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã được xây dựng hoàn thiện theo quy định, cấp tỉnh là Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng Quản lý môi trường với 8 biên chế). Cấp huyện công tác bảo vệ môi trường do phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện, biên chế do 01 cán bộ phụ trách thực hiện, ở cấp xã hiện nay có 01 cán bộ Địa chính, xây dựng, nông nghiệp và môi trường thực hiện. Trình độ chuyên môn chủ yếu từ đại học trở lên. Việc phân cấp trong quản lý Nhà nước về môi trường được thực hiện theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

### 2. Nguồn lực tài chính

Tổng các nguồn vốn đầu tư phát triển cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2024 là 15.596 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí 14.116 triệu đồng cho 01 dự án: Đầu tư trang thiết bị trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường.

- Bố trí 1.480 triệu đồng[2] vốn ngân sách Trung ương đối với nội dung thành phần số 07 thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.

- Tổng số ngân sách nhà nước chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường: 122.437 triệu đồng, bằng 1,3% so với tổng chi thường xuyên.

## VII. THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ VỀ MÔI TRƯỜNG

**1. Tổng hợp, báo cáo các chỉ tiêu thống kê môi trường trong danh mục các chỉ tiêu thống kê của Luật Thống kê:** *chi tiết số liệu tại Phụ lục gửi*

[2] Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh: 70 triệu đồng; Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa: 360 triệu đồng; Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm: 1.050 triệu đồng.

*kèm theo Báo cáo này.*

**2. Tổng hợp, báo cáo bộ chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành**

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện của năm 2024, sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ, tỉnh Lạng Sơn sẽ triển khai thực hiện và có báo cáo riêng đảm bảo thời gian theo yêu cầu.

**3. Tổng hợp các chỉ tiêu trong bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá kết quả công tác bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có hướng dẫn thực hiện của năm 2024, sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ, tỉnh Lạng Sơn sẽ triển khai thực hiện và có báo cáo riêng đảm bảo thời gian theo yêu cầu.

**VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm**

Công tác tuyên truyền, quán triệt thực hiện chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường được tăng cường. Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và của người dân đã được nâng lên rõ rệt. Các mục tiêu, nhiệm vụ, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được chỉ đạo thực hiện lồng ghép, gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã dần đi vào nền nếp, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia thực hiện nếp sống văn hóa gắn với bảo vệ môi trường trong sản xuất và sinh hoạt, xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư. Công tác phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm môi trường được quan tâm thực hiện. Định hướng phát triển cơ bản thực hiện được mục tiêu bảo đảm sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

**2. Tồn tại, hạn chế**

- Công tác đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các khu vực đô thị còn gặp khó khăn, nhất là các đô thị loại IV, loại V, hiện nay tỉnh đã đầu tư được 02 Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại thành phố Lạng Sơn và đang triển khai thực hiện dự án xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập; do vậy phần lớn nước thải sinh hoạt khu vực đô thị loại IV, loại V chưa được xử lý đáp ứng quy định về xử lý nước thải trước khi xả thải ra môi trường, nguồn tiếp nhận chủ yếu là sông, suối, ao hồ,...

- Các bãi rác chôn lấp rác thải trên địa bàn hầu hết chưa được đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác, khí thải theo quy định; các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về lĩnh vực bảo vệ môi trường được tăng cường, tuy nhiên hiệu quả chưa cao, một số cơ sở, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chưa thực sự chú trọng đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường, vẫn còn tồn tại một số đơn vị vi phạm phải xử phạt hành chính trong

năm 2024.

- Một số chỉ tiêu thống kê môi trường trong danh mục thống kê của Luật Thống kê chưa có số liệu do thiếu kinh phí thực hiện đánh giá, thống kê còn khó khăn như: chỉ tiêu diện tích đất bị thoái hóa; lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người; hoặc khó khăn do thiếu thiết bị, nguồn nhân lực theo dõi, đánh giá như: tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM2,5 và PM10 trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên.

**3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

a) Nguyên nhân khách quan:

- Do đặc thù Lạng Sơn là một tỉnh miền núi điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, nguồn kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng và xử lý chất thải rất lớn trong khi nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn chế.

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, nguồn lực tập trung cho máy móc, thiết bị sản xuất, việc đầu tư công nghệ xử lý chất thải còn hạn chế, trong khi kinh phí dành cho hoạt động bảo vệ môi trường là khá lớn.

- Một số văn bản ban hành về công tác bảo vệ môi trường thường xuyên có sự thay đổi, dẫn đến khó khăn trong việc tiếp cận, áp dụng.

b) Nguyên nhân chủ quan: năng lực cán bộ quản lý môi trường còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm, nhất là đối với cấp cơ sở (cấp huyện, cấp xã), trong khi kinh tế ngày càng phát triển đa ngành nghề theo đó gia tăng các loại chất thải cả về chủng loại, số lượng... lĩnh vực môi trường rộng liên quan đến nhiều ngành, nghề khác nhau và có chiều hướng ngày càng phức tạp (các dự án đầu tư với công nghệ, loại hình hoạt động ngày càng đa dạng, phức tạp) nên chưa đáp ứng được yêu cầu trong giai đoạn hiện nay.

## IX. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp chính quyền địa phương, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ và các tầng lớp Nhân dân về ý thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ môi trường. Nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể trong công tác bảo vệ môi trường.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường, kiện toàn cơ cấu tổ chức của hệ thống quản lý Nhà nước về môi trường bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phân công trách nhiệm cụ thể giữa các cấp, các ngành, đưa công tác bảo vệ môi trường thực sự trở thành nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên.

3. Xây dựng, ban hành kịp thời, đầy đủ, đồng bộ cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện, tình hình của tỉnh theo hướng vừa

đảm bảo cụ thể hoá các văn bản của Trung ương, vừa kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục cập nhật, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các chính sách, quy hoạch (công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo phù hợp cho mục đích sản xuất, kinh doanh, để thu hút đầu tư...) hướng đến quan tâm ứng xử hài hòa với bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, phù hợp với thực tiễn hiện nay.

4. Tăng cường xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường.

5. Nâng cao chất lượng thẩm định về môi trường đối với các dự án đầu tư, ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, công nghệ sạch vào các khu, cụm công nghiệp. Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học.

6. Tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quan trắc, giám sát môi trường để phát hiện kịp thời các điểm ô nhiễm môi trường, có phương án khắc phục, xử lý.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện, phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải. Từng bước kiên quyết chấm dứt tình trạng đổ rác và xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường, các sông, suối, ao hồ. Ưu tiên các biện pháp tái chế, tái sử dụng, từng bước hạn chế chôn lấp rác.

*(Gửi kèm theo Báo cáo các Phụ lục số liệu theo yêu cầu).*

Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Vụ Môi trường - BTNMT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN, đoàn thể tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(NNT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**Lương Trọng Quỳnh**